

Bản án số: **56/2022/HS-ST**
Ngày 23 tháng 7 N1 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, TH PHỐ HÀ NỘI**

- **Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Ngô Thị Thu Hương**.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** ông **Nguyễn Xuân Thuật** và ông **Lê Văn Hoan**.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Đỗ Duy Liệu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Minh Hải** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 N1 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 6 N1 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 N1 2022 đối với các bị cáo:

Họ và tên các bị cáo:

1. Bùi Quang Th (Tên gọi khác: Không), S N1 1982. Tại huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn MĐ, xã VH, huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 8/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; C ông: Bùi Hữu Đ (Đã chết) và bà: Bùi Thị N, S N1 1942; Vợ: Phạm Thị Á, S N1: 1990; C: Có 04C, lớn S N1 2002, nhỏ S N1 2022; Tiền sự, tiền án: Không. Nhân thân: Bản án số 04/2006/HSST ngày 29/12/2006 của Toà án quân sự khu vực Quân khu Thủ đô và Bản án số 01/2007/HSPT ngày 22/3/2007 của Toà án quân sự Quân khu Thủ đô Hà Nội xử phạt Th 30 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Đã nộp án phí, ra trại ngày 17/01/2009. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo tại ngoại tại địa Ph, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn V (Tên gọi khác: Không), S N1 1977. Tại huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn ĐCh, xã VH, huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội; Quốc tịch: V

Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động T do; Trình độ học vấn: 6/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; C ông: Trần Văn Th (Đã chết) và bà: Phạm Thị Hg (Đã chết); Vợ: Bùi Thị Ph, S N1: 1977; C: Có 02 C, lớn S N1 1999, nhỏ S N1 2005; Tiền sự, tiền án: Không. Nhân thân: Bản án số 04/2006/HSST ngày 29/12/2006 của Toà án quân sự khu vực Quân khu Thủ đô xử phạt V 40 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Đã nộp án phí, ra trại ngày 30/01/2008. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa Ph, bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. Bùi Khắc T (Tên gọi khác: Không), S N1 1975. Tại huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn MĐ, xã VH, huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động T do; Trình độ học vấn: 5/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; C ông: Bùi Hữu D (đã chết) và bà: Đinh Thị Thạch, S N1 1952; Vợ: Nguyễn Thị Thúy, S N1: 1976; C: Có 02 C, lớn S N1 2002, nhỏ S N1 2008; Tiền sự, tiền án: Không. Nhân thân: Bản án số 23/HSST ngày 17/3/1995 của Toà án nhân dân huyện Ba Vì xử phạt T 02 N1 tù về tội Cướp tài sản của công dân; Bản án số 135/HSST ngày 31/10/1995 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tây xử phạt T 04 N1 tù về tội Cướp tài sản của công dân, tổng H hình phạt là 06 N1 tù. ra trại ngày 27/01/2000. Đã nộp án phí HSST theo Bản án số 23. Xác minh việc nộp án phí HSPT tại Cục THADS TP. Hà Nội, kết quả: Đến thời điểm hiện tại, đơn vị chưa nhận được Bản án do Toà án chuyển, không có hồ sơ thi hành án đối với Bùi Khắc T. Quyết định xử phạt VPHC số 310/QĐXP ngày 15/6/2010 của Công an huyện Ba Vì xử phạt T 700.000đ về hành vi Đánh bạc. Đã nộp tiền phạt ngày 17/02/2011. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo tại ngoại tại địa Ph, bị cáo có mặt tại phiên toà.

4. Nguyễn Văn Q (Tên gọi khác: Không), S N1 1987. Tại huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn ĐCh, xã VH, huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động T do; Trình độ học vấn: 6/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; C ông: Nguyễn Xuân T (Đã chết) và bà: Nguyễn Thị T1, S N1 1942; Vợ: Trần Thị N1, S N1: 1987; C: Có 02 C, lớn S N1 2009, nhỏ S N1 2011; Tiền sự, tiền án: Không. Nhân thân: Bản án số 105/2011/HSST ngày 30/9/2011 của Toà án nhân dân huyện Ba Vì và Bản án số 225/2011/HSPT ngày 30/11/2011 của Toà án nhân dân TP. Hà Nội xử phạt Q 30 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Đã nộp án phí, ra trại ngày 31/8/2013. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa

Ph, bị cáo có mặt tại phiên toà.

5. Hoàng Anh T2 (Tên gọi khác: Không), S N1 1982. Tại huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn MĐ, xã VH, huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động T do; Trình độ học vấn: 6/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; C ông: Hoàng Văn K, S N1 1962 và bà: Bùi Thị T3, S N1 1961; Vợ: Nguyễn Thị M, S N1: 1981; C: Có 02 C, lớn S N1 2005, nhỏ S N1 2013; Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa Ph, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà.

6. Bùi Trọng L (Tên gọi khác: Không), S N1 1986. Tại huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn ĐCh, xã VH, huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động T do; Trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; C ông: Bùi Trọng Th, S N1 1956 và bà: Bùi Thị L, S N1 1956; Vợ: Nguyễn Thị D1, S N1: 1999; C: Có 01 S N1 2018; Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa Ph, bị cáo có mặt tại phiên toà.

7. Bùi Văn Đ (Tên gọi khác: Không), S N1 1969. Tại huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn MĐ, xã VH, huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động T do; Trình độ học vấn: 0/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; C ông: Bùi Văn M (Đã chết) và bà: Nguyễn Thị C (Đã chết); Vợ: Tạ Thị T, S N1: 1970; C: Có 02 C, lớn S N1 1995, nhỏ S N1 1997; Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa Ph, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà.

8. Bùi Nam H (Tên gọi khác: Không), S N1 1977. Tại huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn MĐ, xã VH, huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động T do; Trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; C ông: Bùi Huy P, S N1 1951 và bà: Nguyễn Thị S, S N1 1952; Vợ: Nguyễn Thị X, S N1: 1980; C: Có 02 C, lớn S N1 1998, nhỏ S N1 2003; Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa Ph, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà.

9. Đinh Văn H1 (Tên gọi khác: Không), S N1 1975. Tại huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn MĐ, xã VH, huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội; Quốc

tịch: V Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động T do; Trình độ học vấn: 02/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; C ông: Đinh Công Kh (Đã chết) và bà: Bùi Thị S (Đã chết); Vợ: Đào Thị H, S N1: 1976; C: Có 02 C, lớn S N1 2000, nhỏ S N1 2011; Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa Ph, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

NỘI D1 VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D1 vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 ngày 24/01/2022, Bùi Nam H, Hoàng Anh T2, Bùi Quang Th, Nguyễn Văn Q và Trần Văn V gặp nhau tại khu vực nghĩa địa thôn Mồ Đồi, xã Vân Hoà, huyện Ba Vì và rủ nhau đánh bạc sát phạt nhau bằng dưới hình T1c chơi “Xóc đĩa”. Hoàng Anh T2 là người chuẩn bị dụng cụ đánh bạc gồm: 01 bát sứ; 01 đĩa sứ và 04 quân vị. Quá trình đánh bạc, Bùi Nam H là người cầm CÁ; H có đứng lên về nhà rồi quay lại thì Trần Văn V là người cầm CÁ thay. Quá trình đánh bạc, lần lượt có Bùi Văn Đ, Bùi Trọng L, Bùi Khắc T và Đinh Văn H1 đến tham gia đánh bạc.

L chơi do các đối tượng T quy ước với nhau cụ thể như sau: Khi bắt đầu một ván bạc người “cầm CÁ” cho 04 “quân vị” để trên mặt đĩa sứ rồi úp bát sứ vào. Sau đó, cầm lên tay sóc đều rồi đặt xuống đất. Khi bát và đĩa được đặt xuống thì các C bạc bắt đầu đặt tiền cược vào “cửa chắn” hoặc “cửa lẻ” tùy ý. Số tiền đặt cược mỗi ván bạc ít nhất là 50.000đồng, cao nhất tùy ý theo sự cho phép của người cầm CÁ. Khi các C bạc đặt tiền cược xong, người cầm CÁ sẽ mở bát đang úp trên 04 quân vị. Nếu có 03 quân vị cùng màu (trắng hoặc vàng) thì cửa lẻ Th của chắn thua, nếu có 04 hoặc 02 quân vị cùng màu (trắng hoặc vàng) thì cửa chắn Th và cửa lẻ thua. Sau khi đã biết kết quả thì người cầm CÁ sẽ lấy tiền của người thua để trả cho người Th. Trong khi trả tiền, nếu thiếu tiền thì người cầm CÁ T lấy tiền của mình để bù ra trả cho các C bạc, nếu thừa tiền thì người cầm CÁ sẽ giữ lại cho mình.

Đối với Bùi Quang Th sử dụng 1.600.000đ vào mục đích đánh bạc. Khi bị phát hiện Th đang Th bạc số tiền 400.000đ. Quá trình đánh bạc, Th cho Trần Văn V vay 300.000đ, còn lại 1.700.000đ Th cầm theo khi bỏ chạy. Tại CQĐT, Th đã T nguyện giao nộp số tiền 1.700.000đ.

Đối với Trần Văn V mang theo 400.000đ sử dụng vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc, do thua hết tiền nên V lấy của Bùi Văn Đ số tiền 500.000đ mà

Đ nợ V trước đó và vay của Bùi Quang Th số tiền 300.000đ để tiếp tục đánh bạc. Tổng số tiền V sử dụng để đánh bạc là: 1.200.000đ. Khi bị phát hiện, V đang thua bạc số tiền 900.000đ và cầm theo 300.000đ bỏ chạy. Quá trình bỏ chạy, V đã làm rơi số tiền 300.000đ trên. CQĐT đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng chưa tìm thấy.

Đối với Hoàng Anh T2 sử dụng 1.000.000đ, khi bị bắt đang thua 700.000đ và bị CQĐT thu giữ 300.000đ để dưới chiếu bạc.

Đối với Bùi Trọng L sử dụng 700.000đ vào mục đích đánh bạc. Khi bị phát hiện L đang hoà tiền và cầm theo 700.000đ bỏ chạy thoát. Khi về nhà, L cất giấu số tiền trên ở tủ đựng bát đĩa trong gian bếp nhà L và đã bị CQĐT tiến hành thu giữ.

Đối với Bùi Văn Đ khai nhận mang theo từ 500.000đ đến 600.000đ và sử dụng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Đ Th bạc nên đã trả nợ cho Trần Văn V số tiền 500.000đ mà Đ nợ V trước đó. Khi thua hết tiền, Đ đã vay của Hoàng Anh T2 số tiền 200.000đ để tiếp tục đánh bạc. Khi bị bắt, Đ đã thua hết tiền.

Đối với Bùi Nam H sử dụng 250.000đ, khi bị bắt đang Th 750.000đ và bị CQĐT thu giữ 1.000.000đ dưới chiếu bạc.

Đối với Đinh Văn H1 sử dụng 250.000đ, khi bị bắt H1 đang chơi ván đầu tiên và bị CQĐT thu giữ 250.000đ dưới chiếu bạc.

Đối với Bùi Khắc T sử dụng 200.000đ vào mục đích đánh bạc. Khi bị phát hiện, T đang thua bạc số tiền 100.000đ và để số tiền 100.000đ còn lại tại chiếu bạc rồi bỏ chạy thoát.

Đối với Nguyễn Văn Q sử dụng 150.000đ, khi bị phát hiện Q đang Th bạc 250.000đ. Trước khi bỏ chạy, Q để lại 100.000đ trên chiếu bạc để đặt cửa và cầm 300.000đ bỏ chạy. Quá trình bỏ chạy, Q đã làm rơi 100.000đ và mua 02 chai nước ngọt uống hết 18.000đ tại cửa hàng tạp hoá của chị Trần Thị Thu, S N1 1982 ở thôn Đông Chay, xã Vân Hoà. Tại CQĐT, Q đã giao nộp số tiền 182.000đ còn lại. CQĐT đã tiến hành truy tìm số tiền 100.000đ Q làm rơi nhưng chưa tìm thấy.

Tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc gồm 2.400.000đ (tiền thu ở chiếu bạc) + 1.700.000đ (tiền của Th cầm theo bỏ chạy đã giao nộp) + 300.000đ (tiền của Q cầm theo bỏ chạy gồm đã giao nộp 182.000đ, làm rơi 100.000đ và tiêu 18.000đ) + 300.000đ (tiền của V cầm theo khi bỏ chạy khai nhận đã làm rơi) + 700.000đ (tiền của L cầm theo khi bỏ chạy đã thu giữ) = **5.400.000đ**.

Đối với số tiền 418.000đ, trong đó: số tiền 18.000đ là tiền Nguyễn Văn Q sử dụng để mua nước ngọt, CQĐT đã tiến hành xác minh tại quán chị Trần Thị Thu và

không thu giữ; số tiền 100.000đ mà Q làm rơi và số tiền 300.000đ mà Trần Văn V làm rơi trong quá trình bỏ chạy, CQĐT tiến hành truy tìm nhưng chưa tìm thấy.

Vật chứng đã thu giữ:

- + Tại chiều bạc:
- 01 bát sứ; 01 đĩa sứ và 04 quân vị làm bằng vỏ thuốc lá vinataba.
- Số tiền 2.400.000đ.
- 01 chiếc kéo, đuôi kéo bằng nhựa màu cam do Hoàng Anh T2 T nguyên giao nộp là dụng cụ để cắt quân vị.
- + Các đối tượng bỏ chạy sau đó giao nộp số tiền cầm theo để đánh bạc gồm có:
- Số tiền 1.700.000đ do Bùi Quang Th giao nộp
- Số tiền 182.000đ do Nguyễn Văn Q giao nộp;
- Số tiền 700.000đ do Bùi Trọng L giao nộp.

Tại bản Cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 16 tháng 6 N1 2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì đã truy tố bị cáo Bùi Quang Th, Trần Văn V, Bùi Khắc T, Nguyễn Văn Q, Hoàng Anh T2, Bùi Trọng L, Bùi Văn Đ, Bùi Nam H và Đinh Văn H1 về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ L Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội D1 bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

*** Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Bùi Quang Th, Trần Văn V, Bùi Khắc T, Nguyễn Văn Q, Hoàng Anh T2, Bùi Trọng L, Bùi Văn Đ, Bùi Nam H và Đinh Văn H1 về tội “*Đánh bạc*”.

*** Về hình phạt:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ L hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Quang Th và Trần Văn V từ 15 tháng đến 18 tháng nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách gấp đôi.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ L hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Khắc T và Nguyễn Văn Q từ 12 tháng đến 15 tháng nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách gấp đôi.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ L hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Nam H từ 09 tháng đến 12 tháng nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách gấp đôi.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ L hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Anh T2, bị cáo Bùi Trọng L, bị cáo Bùi Văn Đ, bị cáo Đinh Văn H1 từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ

*** Về vật chứng vụ án:** Áp dụng Điều 47 Bộ L hình sự N1 2015; Điều 106 Bộ L tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 bát sứ; 01 đĩa sứ và 04 quân vị làm bằng vỏ thuốc lá vinataba và 01 chiếc kéo, đuôi kéo bằng nhựa màu cam do Hoàng Anh T2 T nguyên giao nộp là dụng cụ để cắt quân vị.

- Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước:

+ Số tiền thu giữ trên chiếu bạc 2.400.000 đồng, số tiền các C bạc gồm Bùi Quang Th, Nguyễn Văn Q và Bùi Trọng L giao nộp là 2.582.000 đồng. Tổng cộng là 4.982.000 đồng.

+ Đối với số tiền 418.000đ, trong đó: số tiền 18.000đ là tiền Nguyễn Văn Q sử dụng để mua nước ngọt, CQĐT đã tiến hành xác minh tại quán chị Trần Thị Thu và không thu giữ; số tiền 100.000đ mà Q làm rơi và số tiền 300.000đ mà Trần Văn V làm rơi trong quá trình bỏ chạy, CQĐT tiến hành truy tìm nhưng chưa tìm thấy nên không xét.

*** Về án phí:** Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp L:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D1 vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình tiến hành tố tụng, hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT – Công an huyện Ba Vì và Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì Th phố Hà Nội đều được T hiện đúng theo thẩm quyền, trình T, thủ tục theo quy định của pháp L.

[2] Từ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 13 giờ 30 ngày 24/01/2022, tại khu vực nghĩa địa thôn Mò Đồi, xã Vân Hoà, huyện Ba Vì. Các bị cáo Bùi Quang Th, Trần Văn V, Bùi Khắc T, Nguyễn Văn Q, Hoàng Anh T2, Bùi Trọng L, Bùi Văn Đ, Bùi Nam H và Đinh Văn H1 đã có hành vi đánh bạc, sát phạt nhau bằng dưới hình T1c chơi “Xóc đĩa”. Tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc trị giá 5.400.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu Th tội “Đánh bạc” theo quy

định tại khoản 1 Điều 321 Bộ L hình sự N1 2015. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội truy tố các bị cáo về tội danh trên là đúng theo quy định của pháp L.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật T công cộng và gây mất trật T trị an tại địa Ph. Tệ nạn cờ bạc cũng là mầm mống phát S nhiều tệ nạn xã hội và các tội phạm khác nên cần phải xét xử nghiêm minh nhằm giáo dục các bị cáo và góp phần phòng ngừa tội phạm chung. Trong vụ án có nhiều bị cáo cùng tham gia đánh bạc đông nhưng số tiền đánh bạc không lớn nên HĐXX sẽ cân nhắc khi lượng hình phạt đối với các bị cáo để có tác dụng riêng và giáo dục chung.

- Bị cáo Bùi Quang Th sử dụng số tiền 1.700.000 đồng tham gia đánh bạc, bị cáo Trần Văn V sử dụng số tiền 1.200.000 đồng vào việc đánh bạc, bị cáo Bùi Khắc T sử dụng số tiền 200.000 đồng vào việc đánh bạc, bị cáo Nguyễn Văn Q sử dụng số tiền 150.000 đồng vào việc đánh bạc, bản thân các bị cáo là người có nhân thân xấu nhưng đã được xoá án tích theo Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 N1 2018 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao tại điều 2: Điều kiện cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo là “người đã bị kết án nhưng đã được xoá án tích” các bị cáo là lao động chính trong gia đình, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo là dân tộc Mường. Do vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi địa Ph mà để các bị cáo cải tạo tại địa Ph cũng đủ sức răn đe giáo dục các bị cáo trở Th công dân tốt.

- Bị cáo Bùi Nam H sử dụng số tiền 250.000đ vào việc đánh bạc là người cảm CẢ, vì vậy cần có mức án tương xứng với hành vi bị cáo đã T hiện. Bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, dân tộc Mường, bản thân và gia đình có nhiều Th tích. Do vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi địa Ph mà để các bị cáo cải tạo tại địa Ph cũng đủ sức răn đe giáo dục các bị cáo trở Th công dân tốt.

- Đối với các bị cáo bị cáo Hoàng Anh T2 sử dụng số tiền 1.000.000 đồng vào việc đánh bạc, bị cáo Bùi Trọng L sử dụng số tiền 700.000 đồng vào việc đánh bạc, Bùi Văn Đ sử dụng số tiền 500.000 đến 600.000 đồng vào việc đánh bạc, Đinh Văn H1 cùng sử dụng số tiền 250.000 đồng vào việc đánh bạc. Các bị cáo đều có

nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường H ít nghiêm trọng, dân tộc Mường. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà chỉ áp dụng hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe giáo dục bị cáo trở Th công dân tốt.

Tình tiết tăng nặng các bị cáo: không có.

Tình tiết giảm nhẹ các bị cáo: Các bị cáo Th khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo Bùi Nam H, Bùi Văn Đ, Hoàng Anh T2, Bùi Trọng L, Đinh Văn H1 phạm tội lần đầu thuộc trường H ít nghiêm trọng, bị cáo Bùi Nam H được Tặng giấy khen có Th tích xuất sắc trong cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh N1 2019 của UB Mặt trận tổ quốc huyện Ba Vì, bố đẻ bị cáo Bùi Nam H được tặng Huân chương kháng cH1 hạng 3 N1 2001, mẹ đẻ được tặng Huy chương kháng cH1 hạng nhì N1 1985, bố đẻ bị cáo Bùi Khắc T được tặng Huân chương kháng cH1 giải phóng của Chủ tịch nước N1 1979 và Huân chương kháng cH1 N1 1989, ông nội bị cáo là Liệt sỹ, bị cáo Bùi Quang Th, Nguyễn Văn Q, Bùi Trọng L đã T nguyện nộp cho cơ quan điều tra số tiền tham gia đánh bạc. Các bị cáo Th, T, Q, T2, L, Đ, H, H1 đều là dân tộc Mường. Do vậy áp dụng điểm s,i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ L hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung.

[4] Về vật chứng của vụ án:

+01 bát sứ; 01 đĩa sứ và 04 quân vị làm bằng vỏ thuốc lá vinataba và 01 chiếc kéo, đuôi kéo bằng nhựa màu cam do Hoàng Anh T2 T nguyện giao nộp là dụng cụ để cắt quân vị.

+ Số tiền thu giữ trên chiếu bạc 2.400.000 đồng, số tiền các C bạc gồm Bùi Quang Th, Nguyễn Văn Q và Bùi Trọng L giao nộp là 2.582.000 đồng. Tổng cộng là 4.982.000 đồng. Xét thấy đây là vật chứng của vụ án nên áp dụng Điều 47, Bộ L hình sự N1 2015; Điều 106 Bộ L tổ tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy và phát mại sung quỹ Nhà nước.

+ Đối với số tiền 418.000đ, trong đó: số tiền 18.000đ là tiền Nguyễn Văn Q sử dụng để mua nước ngọt, CQĐT đã tiến hành xác minh tại quán chị Trần Thị Thu và không thu giữ; số tiền 100.000đ mà Q làm rơi và số tiền 300.000đ mà Trần Văn V làm rơi trong quá trình bỏ chạy, CQĐT tiến hành truy tìm nhưng chưa tìm thấy nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 136 BLTTHS và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Bùi Quang Th, Trần Văn V, Bùi Khắc T, Nguyễn Văn Q, Hoàng Anh T2, Bùi Trọng L, Bùi Văn Đ, Bùi Nam H và Đinh Văn H1** về tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 65 Bộ L hình sự:

Xử phạt: bị cáo **Bùi Quang Th 15 (Mười lăm)** tháng nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 30 tháng, kể từ khi tuyên án.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn V 15 (Mười lăm)** tháng nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 30 tháng, kể từ khi tuyên án.

Xử phạt bị cáo **Bùi Khắc T 12 (Mười hai)** tháng nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng, kể từ khi tuyên án.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Q từ 12 (Mười hai)** tháng nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng, kể từ khi tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ L hình sự:

Xử phạt bị cáo **Bùi Nam H 09 (Chín)** tháng nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng, kể từ khi tuyên án.

Giao các bị cáo Bùi Quang Th, Trần Văn V, Bùi Khắc T, Nguyễn Văn Q, Bùi Nam H về UBND xã Vân Hòa, huyện Ba Vì để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường H người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì T hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của L Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của L Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường H T hiện hành vi phạm tội

mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng H với hình phạt của bản án mới theo quy định Điều 65 BLHS.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ L hình sự:

Xử phạt bị cáo **Hoàng Anh T2 30.000.000đ** (Ba mươi triệu đồng chẵn)

Xử phạt bị cáo **Bùi Trọng L 20.000.000đ** (Hai mươi triệu đồng chẵn)

Xử phạt bị cáo **Bùi Văn Đ 20.000.000đ**(Hai mươi triệu đồng chẵn)

Xử phạt bị cáo **Đinh Văn H1 20.000.000đ**(Hai mươi triệu đồng chẵn)

3. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

4. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015; Điều 106 Bộ L tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 bát sứ; 01 đĩa sứ và 04 quân vị làm bằng vỏ thuốc lá vinataba và 01 chiếc kéo, đuôi kéo bằng nhựa màu cam do Hoàng Anh T2 T nguyên giao nộp là dụng cụ để cắt quân vị.

Theo biên bản giao nhận vật chứng và ngày 20/7/2022 Công an huyện Ba Vì nộp vào tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì, Hà Nội).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Tổng số tiền 4.982.000 đồng thu trên chiếu bạc và do các bị cáo giao nộp.

- Đối với số tiền 418.000đ, trong đó: số tiền 18.000đ là tiền Nguyễn Văn Q sử dụng để mua nước ngọt, CQĐT đã tiến hành xác minh tại quán chị Trần Thị Thư và không thu giữ; số tiền 100.000đ mà Q làm rơi và số tiền 300.000đ mà Trần Văn V làm rơi trong quá trình bỏ chạy, CQĐT tiến hành truy tìm nhưng chưa tìm thấy nên Hội đồng xét xử không xét.

(Theo giấy nộp tiền vào tài khoản số 394901052741 ngày 15 tháng 7 N1 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội)

5. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ L tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án buộc bị cáo Bùi Quang Th, Trần Văn V, Bùi Khắc T, Nguyễn Văn Q, Hoàng Anh T2, Bùi Trọng L, Bùi Văn Đ, Bùi Nam H và Đinh Văn H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường H bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 L Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, T nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 L thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được T hiện theo quy định tại điều 30 L thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hà Nội;
- Viện KSND huyện Ba Vì;
- Công an huyện Ba Vì;
- Chi cục thi hành án huyện Ba Vì;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Hương